

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2023



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
QUY NHON UNIVERSITY

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1

Xét tuyển kết quả học tập THPT (Học bạ)

2

Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT

3

Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh

4

Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực tư duy do Đại học Quốc gia TP.HCM, Trường ĐHSP Hà Nội và các Đại học khác tổ chức



Mã trường
DQN

5.879

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Đăng ký ngay



1800 55 88 49



tuyensinh@qnu.edu.vn



tuyensinh.qnu.edu.vn



Tuyển sinh Đại học Quy Nhơn

CÁC NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2023

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Môn nhân hệ số 2
1	7140201	Giáo dục mầm non	M00	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00 ; C00 ; D01	
3	7140205	Giáo dục chính trị	C00 ; C19 ; D01	
4	7140206	Giáo dục thể chất	T00 ; T02 ; T03 ; T05	Năng khiếu
5	7140209	Sư phạm Toán học	A00 ; A01	
6	7140210	Sư phạm Tin học	A00 ; A01 ; D07	
7	7140211	Sư phạm Vật lý	A00 ; A01 ; A02	
8	7140212	Sư phạm Hoá học	A00 ; B00 ; D07	
9	7140213	Sư phạm Sinh học	B00 ; B08 ; A02	
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00 ; D14 ; D15	
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00 ; C19 ; D14	
12	7140219	Sư phạm Địa lý	A00 ; C00 ; D15	
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01; Tiếng Anh	Tiếng Anh
14	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00 ; A01 ; A02; B00	
15	7140249	Sư phạm Lịch sử Địa lý	C00 ; C19 ; C20	
16	7140114	Quản lý Giáo dục	A00 ; A01 ; C00 ; D01	
17	7340101	Quản trị kinh doanh	A00 ; A01 ; D01	
18	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00 ; A01 ; D01	
19	7340301	Kế toán	A00 ; A01 ; D01	
20	7340302	Kiểm toán	A00 ; A01 ; D01	
21	7380101	Luật	A00 ; C00 ; C19 ; D01	
22	7460112	Toán ứng dụng	A00 ; A01 ; D07 ; D90	Toán
23	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00 ; A01 ; K01	
24	7480201	Công nghệ thông tin	A00 ; A01 ; D01 ; K01	
25	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00 ; A01	
26	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	A00 ; B00 ; C02 ; D07	
27	7520201	Kỹ thuật điện	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
28	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
29	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
30	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 ; B00 ; C02 ; D07	
31	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
32	7620109	Nông học	B00 ; B03 ; B04 ; C08	
33	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01 ; D01 ; D14 ; D15	Tiếng Anh
34	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01 ; D01 ; D04 ; D15	
35	7229030	Văn học	C00 ; C19 ; D14 ; D15	
36	7310101	Kinh tế	A00 ; A01 ; D01	
37	7310205	Quản lý nhà nước	A00 ; C00 ; C19 ; D01	
38	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00 ; C00 ; C19 ; D01	
39	7310608	Đông phương học	C00 ; C19 ; D14 ; D15	
40	7310630	Việt Nam học	C00 ; C19 ; D01 ; D15	
41	7760101	Công tác xã hội	C00 ; D01 ; D14	
42	7810103	QTĐV du lịch và lữ hành	A00 ; A01 ; D01 ; D14	
43	7810201	Quản trị khách sạn	A00 ; A01 ; D01	
44	7850101	QL tài nguyên và môi trường	A00 ; B00 ; C04 ; D01	
45	7850103	Quản lý đất đai	A00 ; B00 ; C04 ; D01	
46	7510605	Logistics và QL chuỗi cung ứng	A00 ; A01 ; D01	
47	7480207	Trí tuệ nhân tạo	A00 ; A01 ; D07 ; D90	
48	7480109	Khoa học dữ liệu	A00 ; A01 ; D07 ; D90	
49	7340301	Kế toán (CLC)	A00 ; A01 ; D01	

- Kết quả thi ĐGNL của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được đăng ký xét tuyển tất cả các ngành
- Kết quả thi ĐGNL của Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh được đăng ký xét tuyển các ngành ngoài sư phạm